CÔNG TY CỔ PHẦN KHU CÔNG NGHIỆP HỐ NAI
Địa chỉ: KCN Hố Nai - xã Hố Nai 3, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai
Tel: (0251)3671039 Fax: (0251)3671040
Email: honiz@vnn.vn Website: honiz.vn
ĐKDN số: 3600505336 Cấp lần 8: 11/12/2020 Nơi cấp: Sở KHĐT Đồng Nai

Số: 56/BCTN-HONIZ

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
CÔNG TY CỔ PHẦN KHU CÔNG NGHIỆP HỐ NAI
NĂM 2020

Kính gửi:
- Ủy ban chứng khoán Nhà nước;
- Sở Giao dịch chứng khoán.

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Thông tin khái quát

- Tên giao dịch: **CÔNG TY CỔ PHẦN KHU CÔNG NGHIỆP HỐ NAI**
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 3600505336
- Vốn điều lệ: 75.000.000.000 đồng
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 75.000.000.000 đồng
- Địa chỉ: KCN Hố Nai, xã Hố Nai 3, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai
- Số điện thoại: (0251)3671039
- Số fax: (0251)3671040
- *Website*: honiz.vn
- Mã cổ phiếu (nếu có): **HIZ**

Quá trình hình thành và phát triển

- Quá trình hình thành và phát triển:

Công ty Cổ phần Khu công nghiệp Hố Nai - Tiền thân là Công ty Đầu tư và Phát triển Khu công nghiệp Hố Nai, được thành lập theo Quyết định số 3320/QĐ-BNN-TCCB ngày 23/7/2001 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn, là doanh nghiệp Nhà nước trực thuộc Tổng Công ty Cao su Việt Nam (nay là Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam). Công ty là chủ đầu tư Dự án đầu tư Khu công nghiệp Hố Nai đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt theo Quyết định số 278/QĐ-TTg ngày 08/4/1998 và Quyết định số 1415/QĐ-TTg ngày 01/11/2001 với diện tích giai đoạn 1 là 225,71ha.

Ngày 23/5/2005, tại Đại hội đồng cổ đông thành lập, Công ty được chuyển đổi sang mô hình Công ty cổ phần theo Quyết định số 4363/QĐ-TCCB ngày 06/12/2004 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn V/v Chuyển doanh nghiệp Nhà nước Công ty Đầu tư và Phát triển KCN Hố Nai thành Công ty cổ phần Khu công nghiệp Hố Nai (HONIZ) với số vốn điều lệ là 50 tỷ đồng (trong đó phần vốn Nhà nước chi phối, chiếm 51%, tương đương 25,5 tỷ đồng).

Signature Not Verified
Ký bởi: CÔNG TY CỔ PHẦN KHU CÔNG NGHIỆP HỐ NAI
Ký ngày: 6/4/2021 13:26:07

Trên cơ sở diện tích đất quy hoạch cho thuê xây dựng nhà xưởng của Giai đoạn 1 đạt tỷ lệ theo quy định, ngày 22/8/2006 dự án đầu tư giai đoạn 2 khu công nghiệp Hố Nai được duyệt với quy mô diện tích là 270,94ha, nâng tổng diện tích của 2 giai đoạn là 496,65ha. Giai đoạn 2 KCN hiện đang thực hiện công tác bồi thường đất và hoàn tất các thủ tục thuê đất với UBND tỉnh Đồng Nai để triển khai đầu tư hạ tầng kỹ thuật và thu hút các nhà đầu tư.

- Các sự kiện khác:

+ Ngày 20/03/2009, Công ty đã khởi công xây dựng Trạm xử lý nước thải tập trung cho giai đoạn 1, công suất 4.000m^3/ngày-đêm.

+ Ngày 11/03/2016, Công ty đã phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ từ 50 tỷ đồng lên 75 tỷ đồng thành công theo hình thức bán đấu giá ra công chúng.

+ Ngày 04/07/2017, Công ty đã chính thức đăng ký cổ phiếu tại Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam (VSD).

+ Ngày 29/06/2018, Công ty đã được Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội chấp thuận việc đăng ký giao dịch cổ phiếu trên thị trường UPCoM và ngày 27/07/2018 là ngày giao dịch đầu tiên của cổ phiếu HIZ.

+ Ngày 17/01/2020, Công ty được UBND tỉnh Đồng Nai ký Quyết định cho thuê đất để sử dụng vào mục đích đầu tư, xây dựng và kinh doanh hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp giai đoạn 2 với diện tích đất cho thuê là 102,2 ha.

+ Ngày 21/09/2020, Công ty được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đồng Nai ký Hợp đất thuê đất với diện tích đất cho thuê là 102,2 ha.

2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh:

- Ngành nghề kinh doanh: Kinh doanh cơ sở hạ tầng khu công nghiệp, cung cấp nước sạch, xử lý nước thải…; các hoạt động trồng cây cao su, lấy mủ và sơ chế mủ cao su khô.

- Địa bàn kinh doanh: xã Hố Nai 3, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai.

3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý:

- Mô hình quản trị (theo Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty):

+ Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên được tổ chức mỗi năm một (01) lần;

+ Hội đồng quản trị là cơ quan có đầy đủ quyền hạn để thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công ty không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông;

+ Ban Kiểm soát;

+ Ban điều hành (Tổng giám đốc, các Phó tổng giám đốc, Kế toán trưởng).

- Cơ cấu bộ máy quản lý:

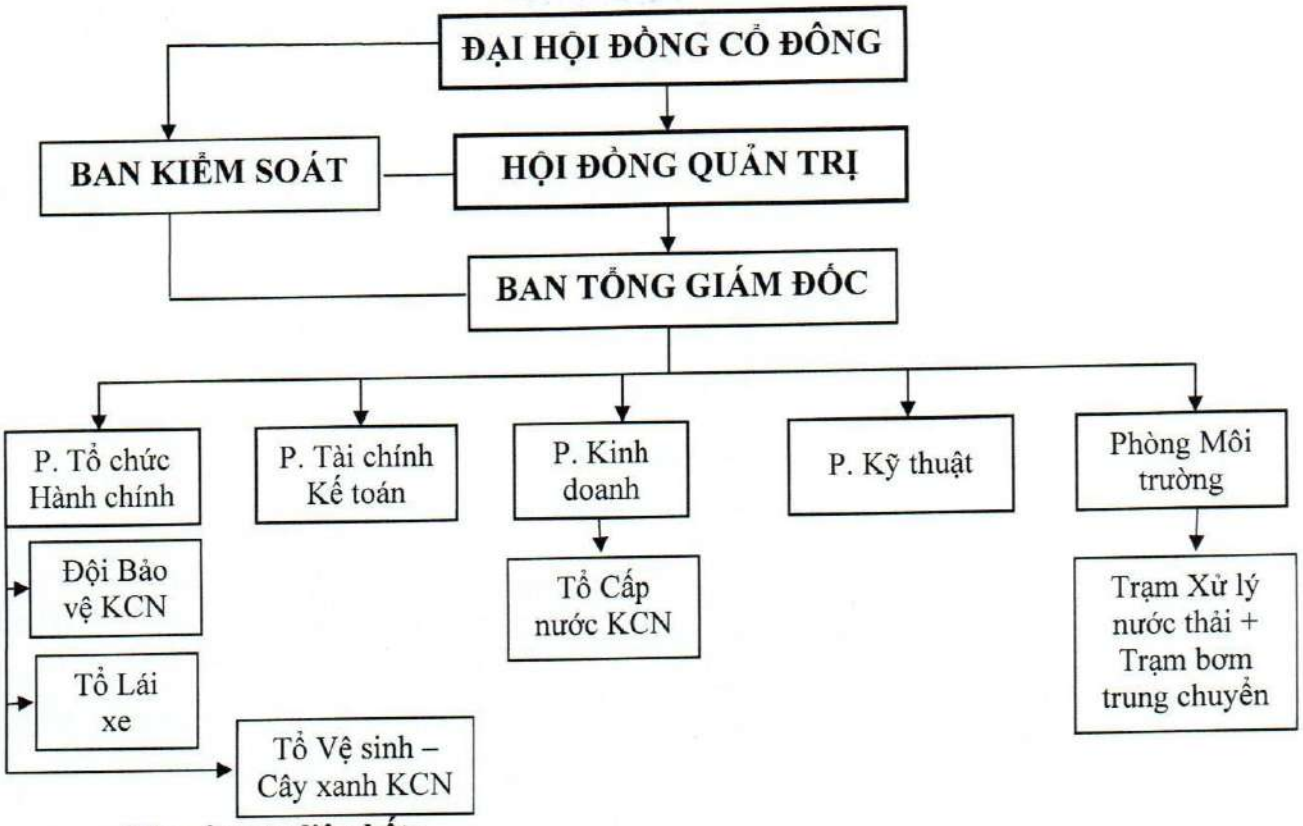

- Các công ty liên kết:

+ Công ty Cổ phần Khu công nghiệp Dầu Giây:

- Địa chỉ: xã Bàu Hàm 2, huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai
- Lĩnh vực SXKD: Kinh doanh cơ sở hạ tầng khu công nghiệp, khu dân cư
- Vốn điều lệ: 120 tỷ đồng
- Tỷ lệ sở hữu của Công ty: 07,50%

+ Công ty Cổ phần Cao su Dầu Tiếng Campuchia:

- Địa chỉ: Thị trấn Dầu Tiếng, huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương
- Lĩnh vực SXKD: Trồng, chăm sóc và chế biến cao su
- Vốn điều lệ: 450 tỷ đồng
- Tỷ lệ sở hữu của Công ty: 02,00%

4. Định hướng phát triển:

- Đẩy nhanh tiến độ công tác bồi thường đất, đồng thời triển khai xây dựng đồng bộ kết cấu hạ tầng khu công nghiệp ở 2 giai đoạn là mục tiêu chủ yếu của Công ty.

- Chăm sóc tốt các nhà đầu tư hiện có, mời gọi nhiều nhà đầu tư mới, thực hiện tốt công tác bảo vệ môi trường theo đúng tiêu chuẩn quy định là chiến lược phát triển lâu dài của Công ty.

- Triển khai Dự án đầu tư chuyển nhượng vườn cây cao su để khai thác mủ cao su và thanh lý vườn cây cao su.

5. Các rủi ro:

- Tình hình chính trị, kinh tế thế giới luôn trong trạng thái bất ổn, tiềm ẩn nhiều rủi ro khó lường, (nghiêm trọng hơn, từ đầu năm 2020 đến nay, sự bùng phát của dịch bệnh

Covid-19 ảnh hưởng toàn diện, sâu rộng và tiếp tục có diễn biến phức tạp, khó lường và gây đình trệ nền kinh tế thế giới, trong đó có Việt Nam), có tác động lớn đến các nhà đầu tư, nhất là nhà đầu tư nước ngoài, làm ảnh hưởng đến các dự án đầu tư mới cũng như việc mở rộng quy mô sản xuất của các nhà đầu tư hiện hữu.

- Công tác bồi thường đất và các thủ tục có liên quan về đất là khó khăn lớn nhất đối với Công ty, làm ảnh hưởng đến tiến độ đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng khu công nghiệp cũng như công tác thu hút nhà đầu tư.

II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2020

ĐVT: đồng

Stt	Nội dung	Kế hoạch 2020	Thực hiện 2020	Tỷ lệ (%)
1	Doanh thu hoạt động kinh doanh	70.066.428.000	62.936.205.913	89,82%
2	Chi chí hoạt động kinh doanh	47.587.454.000	38.612.193.930	81,14%
3	Lợi nhuận hoạt động kinh doanh	22.478.974.000	24.324.011.983	108,21%
4	Doanh thu hoạt động tài chính	3.150.000.000	4.823.917.479	153,14%
5	Chi phí hoạt động tài chính	3.379.195.000	3.165.294.499	93,67%
6	Lợi nhuận hoạt động tài chính	-229.195.000	1.658.622.980	
7	Thu nhập khác		121.904.392	
8	Chi phí khác		591.978	
9	Lợi nhuận khác		121.312.414	
10	Lợi nhuận trước thuế	22.249.779.000	26.103.947.377	117,32%
11	Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.227.587.000	1.807.310.218	81,13%
12	Lợi nhuận sau thuế	20.022.192.000	24.296.637.159	121,35%
13	Tỷ suất LNST/Vốn điều lệ	26,70%	32,40%	121,35%

2. Tổ chức và nhân sự:

- Danh sách Ban điều hành:

+ Ông Thái Minh Quang, sinh năm 1968, thành viên Hội đồng quản trị kiêm Tổng giám đốc, Cử nhân Tài chính, 20 năm kinh nghiệm quản lý.

+ Ông Lương Nhựt Tân, sinh năm 1972, Phó tổng giám đốc, Cử nhân Kinh tế, 13 năm kinh nghiệm quản lý.

+ Ông Lê Đức Quỳ, sinh năm 1970, Phó tổng giám đốc, Cử nhân Kinh tế, 12 năm kinh nghiệm quản lý.

+ Ông Hành Hữu Hưng, sinh năm 1967, Kế toán trưởng, Cử nhân Tài chính, 29 năm kinh nghiệm công tác tài chính - kế toán.

- Những thay đổi trong Ban điều hành: Ông Lê Đức Quỳ, Phó tổng giám đốc, được bổ nhiện ngày 01/7/2020. Ban điều hành hiện tại gồm có: Tổng giám đốc, 02 Phó tổng giám đốc và Kế toán trưởng.

- Số lượng cán bộ, nhân viên bình quân trong năm 2020: 59 người.

- Tóm tắt chính sách và thay đổi trong chính sách đối với người lao động:

Công ty thực hiện chế độ làm việc 5 ngày/tuần, 8 giờ/ngày đối với khối văn phòng. Các bộ phận trực tiếp làm việc 6 ngày/tuần, 8 giờ/ngày (nhân viên vệ sinh & cây xanh) và làm theo ca (nhân viên vận hành Trạm xử lý nước thải, nhân viên Trạm cấp nước KCN, nhân viên bảo vệ). Thực hiện đầy đủ các chế độ cho người lao động (ăn giữa ca, phụ cấp độc hại, ...). Đảm bảo thời gian nghỉ ngơi và các chế độ về bảo hiểm cho người lao động theo đúng quy định của pháp luật về lao động và bảo hiểm xã hội.

3. Tình hình đầu tư, thực hiện các dự án:

a) Dự án đầu tư giai đoạn 2 KCN Hố Nai: Do những khó khăn trong công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng của KCN; do phải thực hiện đầy đủ các bước thủ tục theo quy định trong việc cấp Quyết định giao đất, Hợp đồng thuê đất với Nhà nước, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên việc triển khai đầu tư các hạng mục hạ tầng kỹ thuật chậm so với kế hoạch.

Tổng vốn đầu tư XDCB thực hiện trong năm 2020 là 68,338 tỷ đồng, đạt 14,39% so với kế hoạch năm 2020 (474,834 tỷ đồng), nâng số vốn đầu tư cho giai đoạn 2 lũy kế đến 31/12/2020 là 735,3 tỷ đồng.

Đồng thời, trong năm Công ty chi trả nợ vay (BIDV) đến hạn là 52 tỷ đồng, dư nợ vay (BIDV) tại thời điểm cuối năm 2020 là 297,027 tỷ đồng.

b) Dự án đầu tư chuyển nhượng vườn cây cao su để khai thác mủ cao su và thanh lý vườn cây cao su: trong năm, Công ty đã chi trả 347,88/400 tỷ đồng với nguồn vốn: vay VPBank là 300 tỷ đồng và vốn khác là 47,88 tỷ đồng, và khai thác được 385 tấn mủ cao su quy khô.

c) Đầu tư tài chính:

- Công ty Cổ phần Khu công nghiệp Dầu Giây:

	31/12/2020	*01/01/2020*
+ Tài sản ngắn hạn	977.355.143.324	824.587.121.027
+ Tài sản dài hạn	473.089.402.770	405.767.725.898
Tổng cộng tài sản	**1.450.444.546.094**	**1.230.354.846.925**
+ Nợ phải trả	1.221.056.105.910	1.036.987.493.161
+ Vốn chủ sở hữu	229.388.440.184	193.367.353.764
Tổng cộng nguồn vốn	**1.450.444.546.094**	**1.230.354.846.925**

- Công ty Cổ phần Cao su Dầu Tiếng Campuchia:

	31/12/2020	*01/01/2020*
+ Tài sản ngắn hạn	16.331.612.648	16.803.439.291
+ Tài sản dài hạn	517.552.331.466	514.953.813.232
Tổng cộng tài sản	**533.883.944.114**	**531.757.252.523**
+ Nợ phải trả	65.110.880.307	64.422.847.025
+ Vốn chủ sở hữu	468.773.063.807	467.334.405.498
Tổng cộng nguồn vốn	**533.883.944.114**	**531.757.252.523**

4. Tình hình tài chính:

a) Tình hình tài chính:

ĐVT: đồng

Chỉ tiêu	Năm 2019	Năm 2020	tăng/ giảm
Tổng giá trị tài sản	763.462.376.949	1.318.976.596.923	73%
Doanh thu thuần	57.471.293.323	62.936.205.913	10%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	24.579.296.241	25.982.634.963	6%
Lợi nhuận khác	1.300.315	121.312.414	9229%
Lợi nhuận trước thuế	24.580.596.556	26.103.947.377	6%
Lợi nhuận sau thuế	22.647.182.813	24.296.637.159	7%
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	24,5%	26,2%	7%

b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

Chỉ tiêu	Năm 2019	Năm 2020	Ghi chú
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn:	0,26	0,39	lần
+ Hệ số thanh toán nhanh	0,25	0,35	lần
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	76,9%	85,0%	%
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	333,8%	566,0%	%
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
Doanh thu thuần/Tổng tài sản	7,5%	4,8%	%
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	39,4%	38,6%	%
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	12,9%	12,3%	%
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	3,0%	1,8%	%
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh / Doanh thu thuần	42,8%	41,3%	%

5. Cơ cấu cổ đông *(tại thời điểm 04/11/2020)*

Danh mục	Số cổ đông	Số CP	Tỷ lệ
Tổng số cổ phần	**73**	**7.500.000**	**100%**
- Cổ đông lớn (trên 5% cổ phần có quyền biểu quyết)	5	5.917.420	78,90%
- Cổ đông nắm giữ từ 1%-5% CP có quyền biểu quyết	5	1.112.200	14,83%
- Cổ đông nắm giữ dưới 1% CP có quyền biểu quyết	63	470.380	6,27%
Trong đó:			
- Cổ đông là tổ chức	*0*	*0*	*0,00%*
- Cổ đông cá nhân	*73*	*7.500.000*	*100,00%*

Thông tin chi tiết về cổ đông lớn:

Stt	Tên tổ chức/Cá nhân	CMND/ ĐKKD	Địa chỉ	Số cổ phần	Tỷ lệ (%)
1	Huỳnh Đức Tấn	023620350	19 Đường 24B, P.An Phú, Q.2, TP.HCM	1.764.020	23,52
2	Dương Thị Kiều Anh	035173000729	180/45/9 Nguyễn Hữu Cảnh, P7, Bình Thạnh, TP.HCM	791.000	10,55
3	Lê Dức Quỳ	035070002687	65/25 đường 339 tổ 5, KP 4, P. Phước Long B, Quận 9, TP. HCM	1.521.800	20,29
4	Nguyễn Thị Trang	113537724	Số 19- đường 24B, P.An Phú, Quận 2, TP.HCM	1.144.800	15,26%
5	Võ Thị Ngọc Hân	024515811	18 Đường 26, Phường Bình An, Quận 2, Tp.Hồ Chí Minh	695.800	9,28%

III. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh:

Kết thúc năm tài chính 2020, do các hộ dân còn lại của KCN Hố Nai giai đoạn 1 vẫn chưa chịu di dời để giao đất cho KCN, do phải thực hiện đầy đủ các bước thủ tục theo quy định trong việc cấp Quyết định giao đất, Hợp đồng thuê đất với Nhà nước, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên việc triển khai đầu tư các hạng mục hạ tầng kỹ thuật ở giai đoạn 2 chậm so với kế hoạch và việc cho thuê đất ở giai đoạn 2 chỉ được thực hiện trong hai tháng cuối năm với diện tích đất cho thuê là 12,2 ha.

Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của năm 2020 được đánh giá cụ thể như sau:

+ Chỉ tiêu tổng doanh thu chỉ đạt 92,71% so với kế hoạch, trong đó doanh thu kinh doanh cơ sở hạ tầng chỉ đạt 86,17%, chủ yếu là do doanh thu các hợp đồng thuê đất của giai đoạn 2 chỉ đạt 27,19% so với kế hoạch (2.105 triệu đồng/7.743 triệu đồng). Theo đó, chỉ tiêu tổng chi phí cũng chỉ đạt 81,97% so với kế hoạch, trong đó chi phí hoạt động kinh doanh cơ sở hạ tầng chỉ đạt 63,77% so với kế hoạch (do cơ cấu chi phí hoạt động kinh doanh cơ sở hạ tầng giai đoạn 2 chiếm tỷ trong lớn trong tổng chi phí hoạt động kinh doanh cơ sở hạ tầng và tổng chi phí hoạt động kinh doanh của Công ty).

+ Do tác động của chỉ tiêu tổng doanh thu và chỉ tiêu tổng chi phí, các chỉ tiêu lợi nhuận trước thuế và lợi nhuận sau thuế cùng vượt kế hoạch. Riêng chỉ tiêu lợi nhuận sau thuế đạt 121,35% so với kế hoạch (năm 2020, Công ty được giảm 30% thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo Nghị định số 114/2020/NĐ-CP ngày 25/09/2020 với số tiền là 775 triệu đồng).

Sau đây là một số kết quả hoạt động SXKD của Công ty trong năm 2020:

- **Tổng doanh thu trong năm 2020**:

ĐVT: đồng

Stt	Nội dung	Kế hoạch	Thực hiện	Tỷ lệ (%)
1	Doanh thu hoạt động kinh doanh	70.066.428.000	62.936.205.913	89,82%
2	Doanh thu hoạt động tài chính	3.150.000.000	4.823.917.479	153,14%
3	Thu nhập khác		121.904.392	
Tổng cộng:		**70.579.339.219**	**67.882.027.784**	**92,71%**

- **Tổng chi phí trong năm 2020**:

ĐVT: đồng

Stt	Nội dung	Kế hoạch	Thực hiện	Tỷ lệ (%)
1	Chi phí hoạt động kinh doanh	47.587.454.000	38.612.193.930	81,14%
2	Chi phí hoạt động tài chính	3.379.195.000	3.165.294.499	93,67%
3	Chi phí khác		591.978	
Tổng cộng:		**52.007.126.801**	**41.778.080.407**	**81,97%**

- **Lợi nhuận năm 2020**:

ĐVT: đồng

Stt	Nội dung	Kế hoạch	Thực hiện	Tỷ lệ (%)
1	Lợi nhuận hoạt động kinh doanh	22.478.974.000	24.324.011.983	108,21%
2	Lợi nhuận hoạt động tài chính	-229.195.000	1.658.622.980	
3	Lợi nhuận khác	0	121.312.414	
4	Tổng lợi nhuận trước thuế	22.249.779.000	26.103.947.377	117,32%
5	Thuế TNDN phải nộp	2.227.587.000	1.807.310.218	81,13%
6	Lợi nhuận sau thuế	20.022.192.000	24.296.637.159	121,35%
7	Tỷ suất LNST/vốn điều lệ	26,70%	32,40%	121,35%

- **Dự kiến phân chia lợi nhuận năm 2020 như sau**:

Stt	Chỉ tiêu	%/LN	Số tiền (đồng)
1	Trích Quỹ Đầu tư phát triển	10%	2.429.663.716
2	Trích KT-PL (bao gồm HĐQT, BKS)	9%	2.186.697.344
3	Cổ tức (10%/mệnh giá CP - NQ.ĐHĐCĐ 2020)	10%	7.500.000.000
4	Lợi nhuận còn lại chuyển sang năm sau	49%	12.180.276.099
Tổng cộng:		**100%**	**100%**

2. Tình hình tài chính:

a) Tình hình tài sản	*31/12/2020*	*01/01/2020*
- Tài sản ngắn hạn	128.597.938.148	33.894.546.399

- Tài sản dài hạn	1.190.378.658.775	729.567.830.550
Tổng cộng tài sản	**1.318.976.596.923**	**763.462.376.949**
b) Nguồn vốn		
- Nợ phải trả	1.120.937.188.453	587.451.358.185
- Vốn chủ sở hữu	198.039.408.470	176.011.018.764
Tổng cộng nguồn vốn	**1.318.976.596.923**	**763.462.376.949**

IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

- Năm 2020 là năm còn nhiều khó khăn đối với Công ty, nhưng Công ty đã duy trì được sự ổn định trong các mặt hoạt động SXKD, dự kiến những khó khăn để tổ chức quản lý và điều hành các mặt hoạt động của Công ty có hiệu quả. Công ty đã thực hiện hoàn thành nhiệm vụ kế hoạch mà Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 đề ra, đạt và vượt nhiều chỉ tiêu cơ bản như lợi nhuận và thu nhập của người lao động.

- Công ty đã có nhiều cố gắng trong việc phối hợp với các cấp chính quyền địa phương để tháo gỡ các khó khăn trong công tác bồi thường đất ở giai đoạn 2 KCN và trong việc thực hiện các thủ tục giao đất, hợp đồng thuê đất với UBND Tỉnh Đồng Nai.

- Thực hiện đúng các quy định của pháp luật và của Công ty.

V. QUẢN TRỊ CÔNG TY

1. Hội đồng quản trị:

Danh sách thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2015 - 2020:

1.1. Ông Huỳnh Đức Tấn: Sinh năm 1972, Chủ tịch HĐQT, hiện là Chủ tịch HĐQT: Công ty CP Cảng dịch vụ Hậu cần Tam Thắng; Công ty CP Đầu tư Xây dựng Cao su và Công ty CP Cao su Xuân Lộc.

1.2. Ông Nguyễn Văn Hăng: Sinh năm 1964, thành viên HĐQT, Cử nhân Kinh tế, hiện là Phó trưởng Ban Kế hoạch & Đầu tư Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam.

1.3. Ông Thái Minh Quang: Sinh năm 1968, thành viên HĐQT kiêm Tổng giám đốc công ty, Cử nhân Tài chính.

1.4. Bà Dương Thị Kiều Anh: Sinh năm 1973, thành viên HĐQT, Thạc sĩ Kinh tế phát triển, Cử nhân Kế toán kiểm toán, Kỹ sư Xây dựng, hiện là thành viên HĐQT Công ty CP Đầu tư phát triển hạ tầng Tân Cảng, Thành viên HĐQT kiêm Tổng giám đốc CTCP Tam Thắng, Phó Chủ tịch HĐQT: Công ty CP Đầu tư Xây dựng Cao su và Công ty CP Cao su Xuân Lộc.

1.5. Bà Nguyễn Thị Thu Hà: Sinh năm 1968, hiện là Phó phòng Kế toán Công ty CP Cao su Đồng Phú, thành viên HĐQT từ tháng 11/2019 thay Ông Nguyễn Thanh Bình, sinh năm 1959, nghỉ hưu theo chế độ.

1.6. Ông Trần Mạnh: Sinh năm 1969, thành viên HĐQT, Kỹ thuật viên cơ khí, hiện là Phó tổng giám đốc Công ty TNHH MTV Thiên Tâm Nhất.

1.7. Ông Dương Đình Thóa: Sinh năm 1947, thành viên HĐQT, Cử nhân Sư phạm chuyên ngành hóa sinh, hiện kinh doanh tự do.

Danh sách thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2020 - 2025:

1.1. Ông Huỳnh Đức Tấn, Chủ tịch HĐQT.

1.2. Bà Dương Thị Kiều Anh, Phó Chủ tịch HĐQT.

1.3. Ông Trần Mạnh, Thành viên HĐQT.

2. Ban Kiểm soát:

Danh sách thành viên Ban Kiểm soát nhiệm kỳ 2015 - 2020:

2.1. Ông Đỗ Đông Phương: Sinh năm 1961, Trưởng Ban kiểm soát chuyên trách, Cử nhân Tài chính.

2.2. Bà Phạm Thị Thu Hường: Sinh năm 1966, thành viên BKS, Cử nhân Tài chính kế toán, chuyên viên Ban Tài chính & Kế toán Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam.

Danh sách thành viên Ban Kiểm soát nhiệm kỳ 2020 - 2025:

2.1. Ông Đỗ Đông Phương: Sinh năm 1961, Trưởng Ban kiểm soát chuyên trách, Cử nhân Tài chính.

2.2. Ông Trương Quốc Khánh: Sinh năm 1964, thành viên BKS, Cử nhân Kinh tế.

2.3. Ông Nguyễn Công Định: Sinh năm 1977, thành viên BKS, Cử nhân Kinh tế, Cử nhân Luật.

3. Thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát

ĐVT: Đồng

Stt	Họ & tên	Chức vụ	Lương, thưởng, phụ cấp 2020	
			Chuyên trách	Ko chuyên trách
1	Huỳnh Đức Tấn	CT. HĐQT		186.200.000
2	Dương Thị Kiều Anh	Phó CT. HĐQT		135.800.000
3	Nguyễn Văn Hãng	TV. HĐQT		30.800.000
4	Trần Mạnh	TV. HĐQT		100.800.000
5	Dương Đình Thóa	TV. HĐQT		30.800.000
6	Nguyễn Thị Thu Hà	TV. HĐQT		13.400.000
7	Đỗ Đông Phương	Trưởng BKS	249.361.165	
8	Phạm Thị Thu Hường	TV BKS		17.400.000
9	Trương Quốc Khánh	TV BKS		14.000.000
10	Nguyễn Công Định	TV BKS		14.000.000
Cộng (lương, thưởng, thù lao HĐQT&BKS):			249.361.165	**543.200.000**
			TC:	**792.561.165**
1	Thái Minh Quang	Tổng giám đốc	433.918.271	
2	Lương Nhựt Tân	Phó tổng GĐ	318.344.338	
3	Lê Đức Quỳ	Phó TGĐ	225.916.073	
4	Hành Hữu Hưng	Kế toán trưởng	289.063.073	
Cộng (tiền lương Ban GĐ&KTT):			**1.267.241.755**	

VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH

1. Ý kiến kiểm toán ngoại trừ:

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoài trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn "Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ". Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Khu công nghiệp Hố Nai tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu

chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

2. Báo cáo tài chính được kiểm toán đã được đăng toàn văn tại địa chỉ website: *http://honiz.vn*

XÁC NHẬN CỦA ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY

Đồng Nai, ngày 06 tháng 04 năm 2021

TỔNG GIÁM ĐỐC

M.S.D.N: 3600505336 - C.T.C.P
CÔNG TY CỔ PHẦN KHU CÔNG NGHIỆP HỐ NAI
H. TRẢNG BOM - T. ĐỒNG NAI

Thái Minh Quang